

Bản án số: 156/2017/HNGĐ-ST

Ngày 29-8-2017

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Kim Kết.

Ông Nguyễn Văn Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 283/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Quốc E sinh năm 1970.

Địa chỉ: Ấp KHV, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Chị Lý Thị H (Thu H), sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp KHV, xã QP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Phan Quốc E trình bày:*

Về hôn nhân: Anh Quốc E và chị Lý Thị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H bỏ đi một thời gian thì quay về nhưng đã lại bỏ đi cách nay 03 tháng. Nay anh Quốc E xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với chị H.

Về con: Anh Quốc E và chị H có 03 con chung gồm Phan Thanh T, sinh năm 1993, Phan Tuyết V, sinh năm 1994 và Phan Băng D, sinh ngày 19/9/2004. Hiện nay Thanh T và Tuyết V đã trưởng thành, Băng D đang sinh sống cùng với chị H. Khi ly hôn, anh Quốc E yêu cầu nếu Băng D do anh nuôi thì anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa, anh Quốc E xác định, trường hợp Băng D do chị H nuôi dưỡng thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mức 650.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ người khác, người khác nợ lại: Không có.

** Tại văn bản xin từ chối tham gia giải quyết vụ án, bị đơn là chị Lý Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Quốc E chung sống vào năm 1991 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do anh Quốc E có quan hệ với người phụ nữ khác. Qua yêu cầu xin ly hôn của anh Quốc E thì chị đồng ý.

Về con: Có 03 con chung như anh Quốc E trình bày. Khi ly hôn, Băng D có nguyện vọng ở với ai thì người đó nuôi, người không nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị sẽ tự thỏa thuận với anh Quốc E.

Về nợ người khác và người khác nợ lại: Không có.

Do điều kiện nên chị xin từ chối tham gia giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Lý Thị H có đơn xin không tham gia giải quyết vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án theo khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị H là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Anh Phan Quốc E và chị H tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H bỏ nhà đi và gần đây nhất cách nay 03 tháng từ đó đã ly thân với nhau cho đến nay. Theo chị H nguyên nhân ly thân là do anh Quốc E có quan hệ với người phụ nữ khác.

Với nguyên nhân trên, anh Quốc E có yêu cầu xin ly hôn và được chị H đồng ý.

Xét việc chị H đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh Quốc E nhận thấy: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình thì “*Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà*

không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng... ”.

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến việc anh, chị đồng ý ly hôn với nhau mà áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Quốc E và chị H là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con:

Anh Quốc E và chị H có 03 con chung gồm Phan Thanh T, sinh năm 1993, Phan Tuyết V, sinh năm 1994 và Phan Băng D, sinh ngày 19/9/2004. Hiện nay Thanh T và Tuyết V đã trưởng thành, Băng D đang sinh sống cùng với chị H. Khi ly hôn, đối với Thanh T và Tuyết V đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với Băng D anh Quốc E đồng ý để chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Theo quy định của pháp luật, Thanh T và Tuyết V đã trưởng thành và không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Tại văn bản ghi nguyện vọng của Băng D thể hiện: Khi cha, mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng sống chung với chị H.

Xét thỏa thuận việc nuôi con giữa anh Quốc E và chị H nhận thấy: Từ khi anh, chị ly thân đến nay Băng D do chị H nuôi dưỡng; để ổn định việc chăm sóc, giáo dục và sự phát triển lành mạnh về thể chất, tinh thần trên cơ sở xem xét nguyện vọng của Băng D khi cha, mẹ ly hôn nên giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Tại phiên tòa anh Quốc E đồng ý cấp dưỡng nuôi Băng D theo yêu cầu của chị H và với mức 650.000 đồng/tháng cho đến khi tròn 18 tuổi.

Xét việc anh Quốc E tự nguyện cấp dưỡng nuôi Băng D phù hợp với yêu cầu của chị H và không trái pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Theo anh Quốc E xác định không có; theo chị H xác định tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về nợ người khác, người khác nợ lại: Anh Quốc E và chị H xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết về án phí, lệ

phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì anh Quốc E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Quốc E và chị Lý Thị H.

2. Về con chung:

Giao Phan Băng D, sinh ngày 19/9/2004 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh Quốc E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Băng D với mức 650.000 đồng/tháng. Thời điểm cấp dưỡng được thực hiện từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 29/8/2017) cho đến khi Băng D tròn 18 tuổi; việc cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng.

Anh Quốc E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Anh Phan Quốc E phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009025 ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đàm Dơi.

Anh Phan Quốc E phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (chưa nộp).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn